

**CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG - TRANG TRÍ NỘI THẤT HOÀNG AN**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG - TRANG TRÍ NỘI THẤT HOÀNG AN

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài:

Tên công ty viết tắt: CTY TNHH XD-TTNT HOÀNG AN

**2. Mã số doanh nghiệp:** 1301115101

**3. Ngày thành lập:** 10/03/2022

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Số 147, Ấp 1, Xã Lương Hòa, Huyện Giồng Trôm, Tỉnh Bến Tre, Việt Nam

Điện thoại: 0902265554

Fax:

Email:

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                                                                       | Mã ngành                                                           |
|-----|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------|
| 1.  | Hoàn thiện công trình xây dựng                                                                                                                                                                                  | 4330                                                               |
| 2.  | Bán buôn kim loại và quặng kim loại<br>(Trừ bán buôn vàng)                                                                                                                                                      | 4662                                                               |
| 3.  | Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng                                                                                                                                                         | 4663                                                               |
| 4.  | Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đầu<br>Chi tiết: Bán buôn giường, tủ, bàn ghế và đồ dùng nội thất<br>tương tự                                                                                     | 4669                                                               |
| 5.  | Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan                                                                                                                                                             | 7110                                                               |
| 6.  | Hoạt động thiết kế chuyên dụng                                                                                                                                                                                  | 7410                                                               |
| 7.  | Cửa, xe, bảo gỗ và bảo quản gỗ                                                                                                                                                                                  | 1610                                                               |
| 8.  | Sản xuất gỗ dán, gỗ lạng, ván ép và ván mỏng khác                                                                                                                                                               | 1621                                                               |
| 9.  | Sản xuất đồ gỗ xây dựng                                                                                                                                                                                         | 1622                                                               |
| 10. | Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa,<br>rom, rạ và vật liệu tết bện                                                                                                                     | 1629                                                               |
| 11. | Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại                                                                                                                                                                    | 2592                                                               |
| 12. | Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế                                                                                                                                                                                   | 3100                                                               |
| 13. | Xây dựng nhà để ở                                                                                                                                                                                               | 4101(Chính)                                                        |
| 14. | Xây dựng nhà không để ở                                                                                                                                                                                         | 4102                                                               |
| 15. | Xây dựng công trình đường sắt                                                                                                                                                                                   | 4211                                                               |
| 16. | Xây dựng công trình đường bộ                                                                                                                                                                                    | 4212                                                               |
| 17. | Xây dựng công trình điện                                                                                                                                                                                        | 4221                                                               |
| 18. | Xây dựng công trình cấp, thoát nước                                                                                                                                                                             | 4222                                                               |
| 19. | Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc                                                                                                                                                              | 4223                                                               |
| 20. | Xây dựng công trình công ích khác                                                                                                                                                                               | 4229                                                               |
| 21. | Xây dựng công trình thủy                                                                                                                                                                                        | 4291                                                               |
| 22. | Xây dựng công trình khai khoáng                                                                                                                                                                                 | 4292                                                               |
| 23. | Xây dựng công trình chế biến, chế tạo                                                                                                                                                                           | 4293                                                               |
| 24. | Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác                                                                                                                                                                      | 4299                                                               |
| 25. | Chuẩn bị mặt bằng                                                                                                                                                                                               | 4312                                                               |
| 26. | Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây<br>dựng trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                         | 4752                                                               |
| 27. | Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất<br>tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được<br>phân vào đầu trong các cửa hàng chuyên doanh                                   | 4759                                                               |
| 28. | Ghi chú: Doanh nghiệp phải thực hiện đúng các quy định của<br>pháp luật về đất đai, xây dựng, bảo vệ môi trường, phòng cháy<br>chữa cháy và điều kiện kinh doanh đối với ngành nghề kinh<br>doanh có điều kiện. | Ngành, nghề chưa khớp<br>mã với Hệ thống ngành<br>kinh tế Việt Nam |

**6. Vốn điều lệ:** 6.000.000.000 VNĐ

## 7. Thông tin về chủ sở hữu:

Họ và tên: \_\_\_\_\_ Giới tính: \_\_\_\_\_  
Sinh ngày: \_\_\_\_\_ Dân tộc: \_\_\_\_\_ Quốc tịch: \_\_\_\_\_  
Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: \_\_\_\_\_  
Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: \_\_\_\_\_  
Ngày cấp: \_\_\_\_\_ Nơi cấp: \_\_\_\_\_  
Địa chỉ thường trú: \_\_\_\_\_  
Địa chỉ liên lạc: \_\_\_\_\_

## 8. Người đại diện theo pháp luật:

\* Họ và tên: NGUYỄN VĂN HOÀNG Giới tính: Nam  
Chức danh: Giám đốc  
Sinh ngày: 06/03/1966 Dân tộc: Kinh Quốc tịch: Việt Nam  
Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Chứng minh nhân dân  
Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 331732198  
Ngày cấp: 17/02/2020 Nơi cấp: Công an Vĩnh Long  
Địa chỉ thường trú: Số 141, Ấp Trà Côn, Xã Trà Côn, Huyện Trà Ôn, Tỉnh Vĩnh Long, Việt Nam  
Địa chỉ liên lạc: Số 147, Ấp 1, Xã Lương Hòa, Huyện Giồng Trôm, Tỉnh Bến Tre, Việt Nam

9. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Tỉnh Bến Tre